

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16-8-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị M1 Hương

Bà Đỗ Thị Viện

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Hoàng Gia M, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- **Bị đơn:** Chị Hoàng Thúy M1, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 05-6-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Hoàng Gia M trình bày:

- Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Hoàng Thúy M1 tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Hải (nay là phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn, Hải Phòng vào ngày 27/4/2009. Sau khi kết hôn anh và chị M1 chung sống cùng với bố mẹ đẻ của anh tại Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống đến khoảng đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xích mích cãi nhau, không tôn trọng nhau, cuộc sống không còn hòa hợp, hạnh phúc, càng chung sống với nhau thì mâu thuẫn

ngày càng nhiều hơn. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Từ khoảng tháng 10/2017 đến nay, anh và chị M1 đã sống ly thân nhau, không còn trách nhiệm vợ chồng với nhau. Nay, anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh không còn tình cảm với chị M1 nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M1

- Về con chung: Anh và chị M1 không có con chung.
- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09-7-2024, bị đơn là chị Hoàng Thúy M1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị thừa nhận nội dung trình bày của anh M về thời gian, điều kiện kết hôn; con chung và tài sản chung. Chị trình bày thêm, trong quá trình chung sống chị và anh M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xích mích, cãi nhau do vợ chồng có tính cách trái ngược nhau, không có sự chia sẻ với nhau trong công việc, cuộc sống, thiếu niềm tin vào nhau về mọi mặt dẫn đến cuộc sống đôi bên mệt mỏi, tình cảm vợ chồng rạn nứt dần, không còn hòa hợp, hạnh phúc. Chị và anh M đã sống ly thân nhiều năm nay, không còn tình cảm, không còn trách nhiệm vợ chồng với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Nay, anh M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị, chị đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh M không có con chung.
- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác M, thu thập được thể hiện: Anh M và chị M1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2009. Từ khoảng đầu năm 2017, cuộc sống hôn nhân của anh M và chị M1 không còn hòa hợp, hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau và xúc phạm nhau. Từ khoảng tháng 10-2017 đến nay, anh M và chị M1 không còn chung sống với nhau, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau. Anh M và chị M1 chưa có con chung.

Anh M và chị M1 đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Chị M1 vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho chị M1 theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử thực hiện điều hợp pháp, tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Gia M đối với chị Hoàng Thúy M1. Về

con chung, anh M và chị M1 không có; về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, anh M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn là chị Hoàng Thúy M1, cư trú tại: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hôn nhân:

[3] Anh M và chị M1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 27-4-2009. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị M1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Sau khi kết hôn, từ năm 2017 đến nay cuộc sống chung của anh M và chị M1 không còn hoà thuận, hạnh phúc. Anh M và chị M1 đã sống ly thân, mỗi người một nơi, bỏ mặc nhau, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh M và chị M1 không có con chung.

[6] Về tài sản chung: Anh M và chị M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Anh M và chị M1 đều có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Hoàng Gia M được ly hôn chị Hoàng Thúy M1.

2. Về án phí: Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006607 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, anh M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh M và chị M1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- UBND phường H, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị M1 Hương Đỗ Thị Viện

Bùi Xuân Vinh

